

KHOA HỌC VÀ MÊ TÍN

BÙI NGỌC

Ngày 25 tháng Mười vừa qua, Ban Bí thư trung ương Đảng đã ra chỉ thị về việc tăng cường lãnh đạo cuộc vận động thực hiện nếp sống mới, bài trừ hủ tục mê tín dị đoan, xóa bỏ tệ nạn xã hội, quét sạch văn hóa phản động, đòi trụ Bản chỉ thị nhận định rằng: “Gần đây các hủ tục, tệ mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác lại đang phát triển ở một số địa phương”. Vì vậy, trước mắt các cấp, các ngành, các đoàn thể cần thực hiện những biện pháp cụ thể nhằm “kiên quyết bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan”⁽¹⁾

Mê tín dị đoan là một tệ nạn xã hội, là kẻ thù của khoa học. Thuật ngữ “mê tín” có thể được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, nó bao gồm tất cả các dạng thức của chủ nghĩa huyền bí, từ hoạt động riêng lẻ của các thầy mo, thầy pháp... đến những tổ chức thu hút được đông đảo người vào chung một cơ chế chặt chẽ, từ việc tin vào những điều đơn giản được xem như những định đề không cần chứng minh đến lòng tin được biện minh bằng những luận cứ giả khoa học. Quan niệm hẹp về mê tín thường chỉ đóng khung ở những dạng thức thấp của chủ nghĩa huyền bí, như tin vào tàn dư trọng nam khinh nữ (ra ngõ gặp gái...), vào những con số mang đến may rủi (số 13, số 7, số 3...), đặc biệt tin vào các phương thuật (bói toán, đồng cốt tử vi...).

Sự khác nhau giữa các dạng thức thấp và các dạng thức cao của mê tín được quy định trong một chừng mực đáng kể bởi thời điểm, điều kiện lịch sử khác nhau ở các tập đoàn người khác nhau. Chúng có thể không giống nhau về hình thức, nhưng nội dung vẫn chỉ là một. Do mối liên hệ nội tại chịu sức nặng của ý thức truyền thống, trong những dạng thức mê tín cao và dù được biện hộ bằng thứ “lô gích phản lôgích”, bao giờ cũng chứa đựng những yếu tố của các dạng thức mê tín thấp có nguồn gốc từ những thuở rất xa xưa. Như đã biết chế độ mẫu hệ đã chấm dứt từ lâu, nhưng nó vẫn để lại những dấu ấn là sự sùng bái các đức mẫu này, các bà chúa kia... Đi đôi với việc sùng bái phụ nữ (chính phụ nữ không phải nam giới, là con người đầu tiên được thờ cúng) với tính cách là nguồn gốc sự sống cũng còn là việc sùng bái lửa với tính cách là nhân tố duy trì sự sống. Đèn, nhang, hương, khói trong việc lễ bái ngày nay không phải cái gì khác hơn là việc cải biên tục thờ lửa của người nguyên thủy. Dù ở trình độ cao nay trình độ thấp, các dạng thức mê tín khác nhau đó đều có chung cơ sở xuất phát là việc thừa nhận sự tồn tại của các thực thể siêu nhân có khả năng tác động vào đời sống con người. Nguyên nhân phổ biến ở chúng là sự bất lực của con người trước các lực lượng thống trị họ. Đó là các lực lượng tự nhiên trong xã hội nguyên thủy, sau đó là các lực lượng xã hội trong xã hội có giai cấp. Song hành với sự bất lực đó là sự ngu dốt, một thứ “sốt vỡ da” của quá trình nhận thức trong

⁽¹⁾ Xem toàn văn bản chỉ thị đăng trên báo *Nhân dân*, ngày 30-10-1984.

việc con người tìm hiểu mối quan hệ của họ với thế giới xung quanh. Tham vọng này đã tạo ra một điều nghịch lý là người nguyên thủy với ý định giải thích hợp lý những hiện thực mà họ tiếp xúc thì họ lại rơi vào cái phi lý. Chính từ những cái phi lý đơn giản, ngây thơ của những người nguyên thủy được phát triển thành những cái phi lý ngày càng phức tạp, rối ren với những kết cấu tinh vi tư biện chủ nghĩa gồm các khái niệm, phạm trù ở các dạng thức cao của chủ nghĩa huyền bí ngày nay. Trên mặt bản thể luận, do vì có sự đảo lộn vị trí thực tế của vật chất đối với tinh thần, nên về mặt nhận thức luận, sợi dây liên kết các dạng thức mê tín khác nhau là việc tuyệt đối hoá cái ngẫu nhiên để phủ nhận cái tất yếu, lấy suy diễn chủ quan thay cho quy luật khách quan, chối từ việc đi sâu vào chủ nghĩa bất khả tri: con người không thể hiểu được cái huyền bí tâm linh. Trong mê tín, tư duy biện chứng duy vật không có vai trò của nó. Bao trùm ở đó là tư duy duy tâm siêu hình.

Ngày nay, tư duy duy tâm siêu hình bị coi như phản khoa học, nếu không nói là phản động. Nhưng để có được tư duy này, con người cũng đã phải kinh qua hàng vạn năm. Sự xuất hiện của mê tín như là thành quả của tư duy đó, một mặt gây mầm mống của thái độ tiêu cực trước hiện thực khách quan kéo dài từ thời thị tộc, bộ lạc đến thời hiện đại, mặt khác nó cũng tạo ra một giá trị văn hoá tinh thần của thời nguyên thủy.

Để đánh giá mặt thứ hai này, không thể không nhắc lại rằng con người trong buổi sơ khai có mặt trên hành tinh chúng ta đã tồn tại suốt một thời gian dài như mọi sinh vật khác bị chi phối gần như tuyệt đối bởi quy luật sinh học trao đổi chất. Chỉ khi tiến tới một trình độ sản xuất nhất định với việc nâng cao lực lượng sản xuất, cải tiến được công cụ chinh phục thiên nhiên, thì lúc đó hoạt động nhận thức hiện thực của họ mới mạnh mẽ. Nói cách khác, con người trước khi trở thành động vật cao đẳng có một trình độ tư duy nào đó, họ đã phải trải qua nhiều thế hệ sinh hoạt nặng theo bản năng. Một thời kỳ tiền mê tín kéo dài được các dữ kiện khoa học chứng minh đã bác bỏ quan điểm của một số học giả tư sản cho rằng có loài người thi đồng thời cũng có tư duy của con người ở trình độ cao để coi mê tín như một bản đồng hành cố hữu của họ: trước đây đã mê tín hiện nay có mê tín và sau này vẫn sẽ còn mê tín. Trên quan điểm lịch sử cụ thể, sự xuất hiện của mê tín mặc dầu vẫn là kết quả của sự bất lực, sự ngu dốt của con người như đã nói trên, dù sao vẫn là một cái mốc lớn đánh dấu một bước ngoặt của con người trong việc tiếp nhận với thế giới xung quanh. Nhưng vào cái thuở ban đầu ấy, do con người vẫn chưa tách được hẳn mình ra khỏi mối quan hệ chặt chẽ với cái thế giới đã sinh ra con người để trở thành một thực thể những totem hay vật tổ. Tuỳ thuộc vào môi trường sinh sống, dân tộc này tôn sùng gấu, chuột túi,... trong khi dân tộc kia lại thờ cúng hươu, nai... Người Giao Chỉ, tổ tiên chúng ta, có tục sùng bái giao long...

Như vậy, sự ra đời của mê tín, xét cho cùng, cũng là kết quả của sản xuất xã hội. Sự tiến hóa của sản xuất xã hội không những chỉ là khởi nguyên của tư duy khoa học, mà cũng còn của cả tư duy mê tín. Quyết định tư duy phát triển theo hướng nào, đi tới khoa học hay mê tín, là điều có tầm quan trọng đặc biệt.

Người nguyên thủy một khi đã có tư duy thì tất nhiên cũng có kiểu tư duy của họ. Trong kiểu tư duy đó không phải chỉ có những yếu tố duy tâm siêu hình dẫn đến mê tín. Cần nói rằng, thông tri trong kiểu tư duy nói chung của họ là những yếu tố duy vật biện chứng tự phát, xuất phát từ nhu cầu của cuộc sống, để từ đó có sự cải

tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất, tạo điều kiện cho những bước tiến của khoa học về sau. Việc con người nguyên thủy đồng nhất họ với động vật, thực vật này khác không những chỉ thể hiện một cách nhìn duy tâm siêu hình, mà cũng còn vô hình chung khẳng định một nguyên lý được khoa học tiến bộ thừa nhận: con người là thành quả sự tiến hoá của giới tự nhiên, giữa cấu trúc sinh học của con người và giới tự nhiên không có vực thẳm ngăn cách không thể vượt qua. Tóm lại, trong kiểu tư duy nguyên thủy có sự thống trị của những yếu tố duy vật biện chứng tự phát quyện chặt với những yếu tố duy tâm siêu hình. Nếu ở đó là sự nghịch đảo vị trí thì từ lâu loài người đã rơi vào thảm cảnh diệt vong. Kiểu tư duy hỗn hợp này không những chỉ là kiểu tư duy của xã hội nguyên thủy, mà cũng còn được phổ biến ở các xã hội tiếp theo, cho đến khi có chủ nghĩa Mác.

Trong xã hội cổ đại, kiểu tư duy đó đã từng thể hiện sắc nét ở nhà toán học kiêm thiên văn học Pitago. Với kiểu tư duy này, ông không những chỉ để lại tên tuổi trong khoa học mà cũng nổi tiếng ở cả trong lĩnh vực mê tín. Đồng thời với việc đưa ra những kiến thức toán học có giá trị, ông đã huyền bí hóa con số dựa trên sự tuyệt đối hoá khái niệm về con số lấy ở các vật thể vật chất, coi những quan hệ về số lượng là thực chất của sự vật. Theo ông, con số chính là sức mạnh điều khiển mọi hiện tượng tự nhiên, mọi diễn biến ở thế giới xung quanh. Bản thân các vật thể chỉ là những “tác phẩm mô phỏng” của các con số. Và ông chia ra số tốt, số xấu, số hoàn thiện và số không hoàn thiện. Ông cho rằng con số hoàn thiện nhất là con số 6, vì số 6 có những thuộc tính đặc biệt: nó có thể chia tròn cho 1, 2, 3,... Cũng trong học thuyết của ông, kỳ diệu nhất là con số 1: số 1 là cơ sở của mọi tồn tại để từ nó dường như xuất hiện thế giới.

Hiện tượng Pitago với tính cách một nhà khoa học, nhưng đồng thời cũng là người đề xuất một chủ thuyết đầy mê tín, không phải là hiện tượng cá biệt. Nguyên nhân tạo ra những kiến thức đối kháng nhau ở cùng một con người, kể cả những con người ngày nay dù người đó là nhà khoa học lỗi lạc, có thể có nhiều. Nhưng, một nguyên nhân đáng kể, đó là kiểu tư duy hỗn hợp các yếu tố loại trừ nhau. trong đó tính kế thừa không chọn lọc có ý nghĩa to lớn. Để thấy vấn đề này, ta quay trở lại với toán học, một bộ môn khoa học cơ bản ngày càng thâm nhập vào các bộ môn khoa học khác, kể cả những bộ môn khoa học xã hội.

Toán học sẽ không còn là toán học nếu không có con số. Nhưng, để có được con số, loài người cũng phải trải qua rất nhiều thế hệ không biết đếm, nên họ đã gặp không ít khó khăn trong việc nắm bắt các sự vật xung quanh, tính toán các thành viên cùng thị tộc, bộ lạc cần hợp tác, nuôi dưỡng... Khi biết được cách đếm để khắc phục những khó khăn này, thì cách đếm đối với con người là một cái gì thiêng liêng, thần bí. Cho nên dân tộc nào cũng có cách nhìn siêu thực đối với con số. Ở Việt Nam kiêng con số 7, số 3: “Chớ đi ngày 7, chớ về ngày 3”. Ở phương Tây kiêng con số 13: có những cầu thủ không chịu mặc áo số 13, có những người không muốn ở phòng số 13. Ở Luân Đôn, có những dãy phố không có nhà số 13.... Con số 13 bị e ngại, vì đó là con số không hoàn thiện, bởi lẽ nó chỉ có thể chia tròn cho nó hay cho 1. Việc kiêng con số 7, số 3 dường như cũng không ngoại lệ. Riêng điều mê tín về con số 13 tông đồ, Giêsu bị bắt rồi bị xử hình câu rút. Nhưng việc Giêsu bị bắt, bị giết đâu phải vì cuộc họp có 13 người. Nguyên nhân phải tìm trước hết ở sự phản bội của Giuđa, ở sự phản kháng lại chế độ La Mã đương thời được phản ánh bằng sự nguyên rủa chế

độ đó trong sách *Khải huyền* của Giăng, một sự phản kháng ảo tưởng mà Giêxu được coi như người thủ xướng.

Nếu có những con số bị coi là nguồn gốc của mọi sự không may, thì đương nhiên cũng phải có những con số đem lại những sự tốt lành. Trong khi Pitago tôn sùng con số 6 thì ở Babylon cổ đại, người ta lại coi trọng con số 12, vì con số này có thể chia chẵn cho nhiều số khác như 2, 3, 4 và 6: và trong khi tính toán sự vận hành của mặt trời bằng đồng hồ nước hay đồng hồ cát, các nhà thiên văn học ở thành phố sớm phát triển này đã chia ngày thành 24 giờ tức 2 phần 12; chia giờ thành 60 phút, tức 5 phần 12..., và một năm có 12 tháng.

Số lượng tồn tại một cách khách quan, nó là một thuộc tính của các vật thể vật chất, được ghi lại trong nhận thức của con người. Do vì không hiểu biết mối quan hệ qua lại đó, nên người ta đã gán cho những con số tính chất siêu nhiên. Nhận thức chủ quan của con người bao giờ cũng chịu sự tác động của những điều kiện vật chất xung quanh với tính cách là những kích thích vào bộ não của cá thể. Vì thế, trong kiểu tư duy duy tâm siêu hình, cái khách thể có thể bị cái chủ thể làm lu mờ thực chất để bị xem xét theo lăng kính của chủ thể. Vì thiếu một tiêu chuẩn khách quan thống nhất, nên với cùng một con số, dân tộc này có thể có cảm tình, trong khi dân tộc kia lại có sự đánh giá ngược lại. Có những người Việt Nam chúng ta nếu coi con số 7 là con số đem đến những rủi ro, thì người Hy Lạp cổ đại lại sùng kính con số đó. Thiên văn học Hy Lạp đương thời chỉ biết có 7 hành tinh trong các chòm sao Đại hùng tinh và Tiểu hùng tinh. Từ sự quan sát này, họ chia tuần lễ thành 7 ngày, để sau đó có chuyện Thượng đế nghỉ xả hơi ngày thứ bảy, kết thúc sáu ngày vất vả sáng tạo thế giới.

Trong các dạng thức mê tín nói chung, bộ phận cấu thành quan trọng là phương thuật, tức những hành động của con người nhằm tác động vào hiện thực bằng những biện pháp ảo tưởng. Một trong những hình thức phổ biến nhất của phương thuật là việc tiên đoán, tiên tri. Sở dĩ như vậy, vì con người sống không phải chỉ bằng quá khứ, hiện tại, mà cũng còn nghĩ đến tương lai. Việc dự đoán tương lai trở thành một nhu cầu thiết yếu của con người, đặc biệt của những con người sống trong hiện tại bấp bênh, hôm nay lo cho ngày mai. Tờ *Thời báo (Time)*, một tờ báo xuất bản ở Mỹ, đã phải công khai thừa nhận: “Trong thời gian phổ biến có sự mất lòng tin, con người bị thu hút vào những điều kiện này như bị thu hút vào bánh mì khi bị đói”. Các thế lực chống cộng lợi dụng tình hình đó đã đưa những điều tiên đoán về những cái gọi là “sự phồn vinh” của xã hội tư bản, “sự khủng hoảng” của chủ nghĩa xã hội dường như sẽ không tránh khỏi diệt vong. S.M. Mun, một người theo chủ nghĩa huyền bí ở phương Tây tự cho mình là một nhà tiên tri của thời đại, cho rằng mọi tai hoạ trên đời đều do chủ nghĩa cộng sản. Như vậy có nghĩa là phải tổ chức những cuộc thập tự chinh chống lại nguồn gốc sinh ra những tai hoạ đó. Chính ông ta cũng công khai tự cho mình là người chống cộng. Theo Viện Galóp, một cơ quan thăm dò dư luận của Mỹ, thì ở nước này có tới 32 triệu người tin vào những điều tiên đoán dựa vào khoa chiêm tinh. Cũng ở Mỹ có tới trên dưới 1.250 tạp chí chuyên đăng các bản tử vi đầu số. Ở Cộng hoà Liên bang Đức số người tin vào thuật chiêm tinh lên tới 17 triệu người. Như Lênin đã viết trước cách mạng: “...Đã đến thời điểm lịch sử, giai cấp tư sản chỉ huy do lo sợ trước giai cấp vô sản ngày càng phát triển và được củng cố, nên nó ủng hộ tất cả những gì lạc hậu, lỗi thời, mang tính chất trung cổ. Giai cấp tư sản đang diệt vong liên kết với tất cả những gì đang diệt vong và đã bị diệt vong”⁽²⁾.

⁽²⁾ V.I. Lênin: *Toàn tập*, t.23, tr.166, tr.166, bản tiếng Nga.

Xét về lịch đại, hình thức tiên đoán cổ xưa nhất là những hình thức dựa vào những hiện vật có thật: trong những thời xa xưa, ở phương Tây, đó là ruột các con vật giết tế thần, ở phương Đông là các đường nét trên mai rùa, chân gà... Từ những vật thể đó, con người rút ra những điềm báo trước lành dữ khác nhau. Một đội quân trước khi ra trận, cờ suý bị gió thổi gãy - một việc thường được nói đến trong các truyện cổ - đó là điềm báo trước tướng lĩnh tử vong, trận đánh thất bại. Nếu chiến bại, người ta gán ghép sự việc đó với việc gãy cờ, không thấy việc cờ gãy có những nguyên nhân vật lý (sức gió, sức bền vật liệu...), không thấy thắng thua là do nhiều yếu tố tạo thành, như tương quan các lực lượng tham chiến, tài chỉ huy, sĩ khí, kế hoạch tác chiến, vũ khí sử dụng, địa hình chiến đấu... Ở đây, ta thấy các sự vật, hiện tượng chỉ được xem xét về mặt ngoài trong mối liên hệ của chúng. Việc xem xét bề ngoài này hoàn toàn không có liên quan đến bản chất sự vật, hiện tượng, trở thành chỗ dựa cho mọi tiên đoán duy tâm siêu hình. Nó hoàn toàn xa lạ với việc tiên đoán khoa học hay dự báo khoa học mà cơ sở là mối liên hệ bên trong hợp quy luật của sự vật hiện tượng.

Chủ nghĩa cộng sản khoa học ở thời Mác và Ăngghen chưa có trong thực tế. Nhưng Mác và Ăngghen đã tiên đoán bước phát triển đó của tương lai nhân loại là do các ông dựa vào những dữ kiện lịch sử có thật. Điều tiên đoán này của các ông cách đây hơn một thế kỷ đang trở thành hiện thực với sự xuất hiện của hệ thống xã hội chủ nghĩa mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Nếu tiên đoán duy tâm siêu hình chỉ là trí tưởng tượng bệnh hoạn thì tiên đoán khoa học mà Mác và Ăngghen là những người khởi xướng lại là trí tưởng tượng lành mạnh dựa vào các quy luật, vào tính tất yếu khách quan không gì cưỡng nổi.

Việc tiên đoán tương lai theo tinh thần mê tín như bói toán, số tử vi bao gồm cả những sấm ký kiểu No tradamus đang được phục hồi ở phương Tây hay những câu sấm gán cho Trạng Trình vào khi xuất hiện ở ta là những hình thức phương thuật. Từ lâu, những phương thuật này được phân loại thành “phương thuật trắng” và “phương thuật đen”. Loại phương thuật thứ nhất nhằm đem lại những điều tốt lành cho mình hay cho người khác. Việc chăm lo lễ bái của các bà “phe phẩy” để được “trúng quả”, “vào cầu” là một hình thức phương thuật trắng. Nếu điều xảy ra như họ mong muốn thì họ cho đó là do lòng thành, còn nếu như bị công an, thuế vụ bắt gặp thì họ lại đổ cho là do thần thánh không phù hộ. Trong việc gặp may hay rủi ở đây có vai trò của phép xác suất cùng với sự có mặt của một thị trường tự do rộng lớn tồn tại trên một nền sản xuất nhỏ chưa được quản lý thật chặt chẽ.

Đôi lập lại với phương thuật trắng là phương thuật đen với mục đích làm hại kẻ thù. Trong một truyện Tàu cổ, Bàng Quyên muốn ám hại Tôn Tẫn đã tạo ra một cái “lưỡng phân” Tôn Tẫn là một hình nộm. Truyện kể lại rằng: hàng ngày Bàng Quyên tác động vào cái “lưỡng phân” Tôn Tẫn đó, khiến cho Tôn Tẫn bằng xương bằng thịt vẫn cảm thấy như chính mình bị hành hạ. Và sở dĩ Tôn Tẫn thoát chết là vì nhờ người lấy trộm được về cái “lưỡng phân” đó, của mình. Thời trung cổ, ở phương Tây, người ta cũng thường áp dụng hình thức phương thuật đen này. Có khác chăng là ở phương Tây, hình nộm được nặn bằng sáp, ở phương Đông bện bằng rơm. Trước Cách mạng Tháng Tám, ta thường được nghe những chuyện chài ếm ở các vùng thượng du. Nhưng cùng với sự giao du mọi mặt ngày càng tăng giữa các miền đất nước khác nhau, ngày nay miền ngược đối với người miền xuôi không còn bộ mặt bí hiểm, những câu chuyện đó cũng trở thành huyền thoại. Nếu cầu nguyện là một hình thức phương thuật trắng như

thường thấy hiện nay, thì nguyên rủa kiêu một bà mất trộm gà như một tác giả văn học thời trước cách mạng kể lại, có ý nghĩa của hình thức phương thuật đen. Cả hai loại phương thuật đó đều phản ánh bản chất của mê tín là sự bất lực, ngu dốt của người nguyên thủy được tiếp nối trong các thế hệ về sau.

Tất cả các loại phương thuật nói trên đều có tham vọng bắt khách thể phải thoả mãn nhu cầu của chủ thể. Chúng trở thành tiền đề cho chủ nghĩa duy ý chí được phát triển thời trung cổ với những đại biểu như Xanh Ôguyxtanh, Đun Xcôt, dẫn đến định mệnh luận nói về sự tiền định của ý trời, con người phải phục tùng ý chí của thần thánh. Như vậy, trong tư duy mê tín, con người bất chấp quy luật khách quan, định bắt khách thể phải phụ thuộc vào chủ thể, nhưng điều ngược đời đã xảy ra là con người chính vì thế mà bị tha hóa, trở thành khách thể trong quan hệ của họ với thiên nhiên, xã hội.

Để thấy phần nào tác hại cụ thể của sự tha hóa này, xin trích một số đoạn trong một bài đăng trên báo *Quân đội nhân dân* ra ngày 29-8-1984, nói về tệ nạn mê tín ở xã thanh Quan, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Bài báo cho biết: “Chính tệ nạn này đã gây nên những tác hại nghiêm trọng trong đời sống tinh thần, vật chất của từng gia đình, từng thôn bản”, như “chỉ tính riêng việc cúng bái, mỗi tháng một gia đình ở đây làm ít nhất cũng ba bốn lần. Mỗi lần chi phí các khoản, tiết kiệm cũng mất 300 đồng. Tính ra mỗi năm tốn đến 11, 12 nghìn đồng. Con số này tính cho xã một nghìn hộ sẽ lớn vô cùng”..., và “không ít gia đình có người ốm tìm thầy mo, thầy cúng làm lễ trừ tà, đuổi quỷ để cho những cái chết oan uổng liên tiếp xảy ra...”.

Cùng với những tác hại về kinh tế, tình cảm, mê tín còn trở thành thủ đoạn lũng đoạn về chính trị: “Kẻ địch và phần tử xấu triệt để lợi dụng tình trạng lạc hậu của đồng bào thông qua một số “mo”, “âu” mỗi khi có dịp để phản tuyên truyền, mê hoặc bà con”. Một điểm đáng chú ý khác là, “đã có nhiều nam, nữ thanh niên mới lớn bị lời thầy bói ám ảnh, lo lắng cho số phận, tình duyên, đến mức trốn tránh trách nhiệm với xã hội, thậm chí ngay cả với gia đình”. Chuyện cô kỹ sư Kiều Vân ở Hà Nội bị mê hoặc bởi những lời quảng xiên của mục đồng Bùi Thị Chi đến nỗi mất hết gia tài, bỏ việc, cắt tóc đi tu là một ví dụ thương tâm⁽³⁾.

Những sự kiện nêu trên trước hết thuộc lĩnh vực tư lượng và văn hoá. Trên mặt khái quát nhất của tư tưởng, chúng nói lên một thế với quan kim hãm năng động tính chủ quan của con người tiến lên làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân, biến con người thành khách thể thụ động trước hiện thực. Nó đối kháng với thế giới quan duy vật biện chứng trong chủ nghĩa xã hội tức thế giới quan xác định con người chính là chủ thể của lịch sử, để từ đó tạo ra mâu thuẫn không khoan nhượng giữa hai nền văn hoá mới và cũ, cách mạng và bảo thủ, lạc quan và bi quan, nhân bản và phi nhân bản. Vì văn hoá, xét cho cùng, là do những điều kiện xã hội quyết định, nhưng thông thường phụ thuộc vào thế giới quan: thế giới quan nào thống trị trong xã hội tất yếu phải có một nền văn hoá tương hợp.

Vốn là sản phẩm của nền văn hoá nguyên thủy, mê tín tiến hoá trong xã hội có giai cấp trở thành “một thứ văn hoá ngu dân” làm chức năng ru ngủ ý thức đấu tranh của quần chúng lao động. Còn trong chủ nghĩa xã hội, với những thay đổi căn bản trong hạ tầng cơ sở, nó trở thành tàn dư của quá khứ. Như Mác và Ăngghen đã chỉ

⁽³⁾ Xem báo *Nhân dân*, 31-10-1984.

ra: “Liệu có cần phải sáng suốt lắm mới hiểu được rằng những tư tưởng, những quan điểm và những khái niệm của người ta, tóm lại là ý thức của người ta, đều thay đổi với sự thay đổi xảy ra trong điều kiện sinh hoạt, trong quan hệ xã hội, trong đời sống xã hội của người ta chăng?”⁽⁴⁾. Và các ông chỉ ra rằng: “Không có gì đáng lấy làm lạ khi thấy rằng trong tiến trình phát triển của nó (tức cách mạng cộng sản chủ nghĩa –B.N), nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng cổ truyền”, vì “những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là tư tưởng của giai cấp thống trị”⁽⁵⁾.

Việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin là nhằm xây dựng một thế giới quan khoa học. Mê tín là hình thức tư tưởng phổ cập nhất của một thế giới quan đã lỗi thời có ảnh hưởng đến ý thức và hành vi của nhiều người, không những chỉ tác hại đến đời sống vật chất, tinh thần của xã hội, mà cũng còn là một vũ khí đấu tranh tư tưởng trên quy mô thế giới. Vì thế, nó vừa mang tính chất sai lầm, vừa mang tính chất thù địch. Trong những điều kiện đó, mê tín trở thành một đối tượng của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá.

Công cuộc xây dựng thế giới quan khoa học, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan tất nhiên không thể chỉ là giải nghệ các thầy bói, thầy pháp... dẹp các bàn thờ đồng cô, bóng cậu loè loẹt các nón, hài sặc sỡ... Các biện pháp hành chính là cần thiết, nhưng bản thân chúng không đủ để giải quyết được vấn đề, mà phải có sự kết hợp chặt chẽ với công tác tuyên truyền, giáo dục thế giới quan khoa học cho nhân dân.

Trên cơ sở tiến hành đồng thời cả ba cuộc cách mạng, Đảng không ngừng giáo dục ý thức và năng lực làm chủ tập thể ở mỗi con người Việt Nam, và con người sống với tư thế làm chủ tập thể đối với thiên nhiên, xã hội và bản thân, thì con người ấy sẽ không bao giờ còn có thể quỳ chân trước bất cứ ma quỷ và thần thánh nào.

⁽⁴⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.76.

⁽⁵⁾ Sách đã dẫn, tr.78, 76.